

INTERTEK
CUONG LY – ASC LEAD AUDITOR

VIETFISH 25-AUG-2022





CÁC KHÓ KHĂN CHÍNH TRONG

CHỨNG NHẬN ASC TRANG TRẠI Ở VIỆT NAM

Số lượng **trang trại**
chứng nhận ASC
cập nhật Aug-2022

Ở Việt nam đến Aug-2022:
+ 98 giấy chứng nhận tôm
+ 52 giấy chứng nhận cá tra/basa

www.asc-aqua.org/news/certification-update/

Farm Snapshot

Farm-Sites Certified and in Assessment

Certified		In assesment		Certified		In assessment		
Abalone	49	6		Seriola/ Cobia	17	1		
Bivalves	364	119		Shrimp	489	652		Certified Total
Flatfish	1	9		Tilapia	36	4		1,764
Pangasius	41	4		Tropical Marine Finfish	6	1		In Assessment Total
Salmon	599	113		Trout	83	39		987
Seabass/ Seabream/ Meagre	58	13		Seaweed*	21	28		

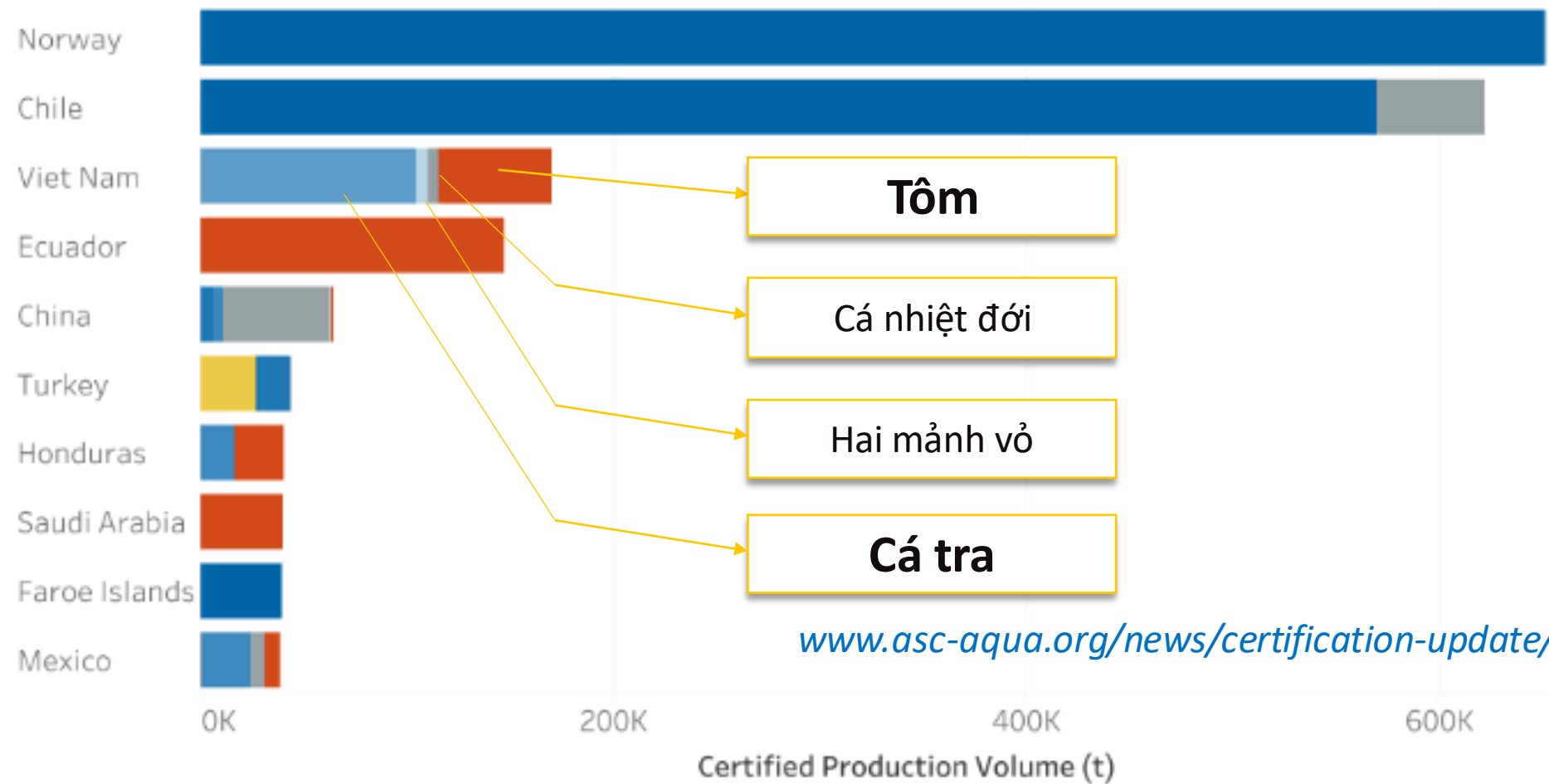
* ASC/MSC Seaweed standard

Sản lượng
Chứng nhận ASC
đến Aug-2022

Production Volumes (t) per Standard per Top 10 Countries

ASC Standard

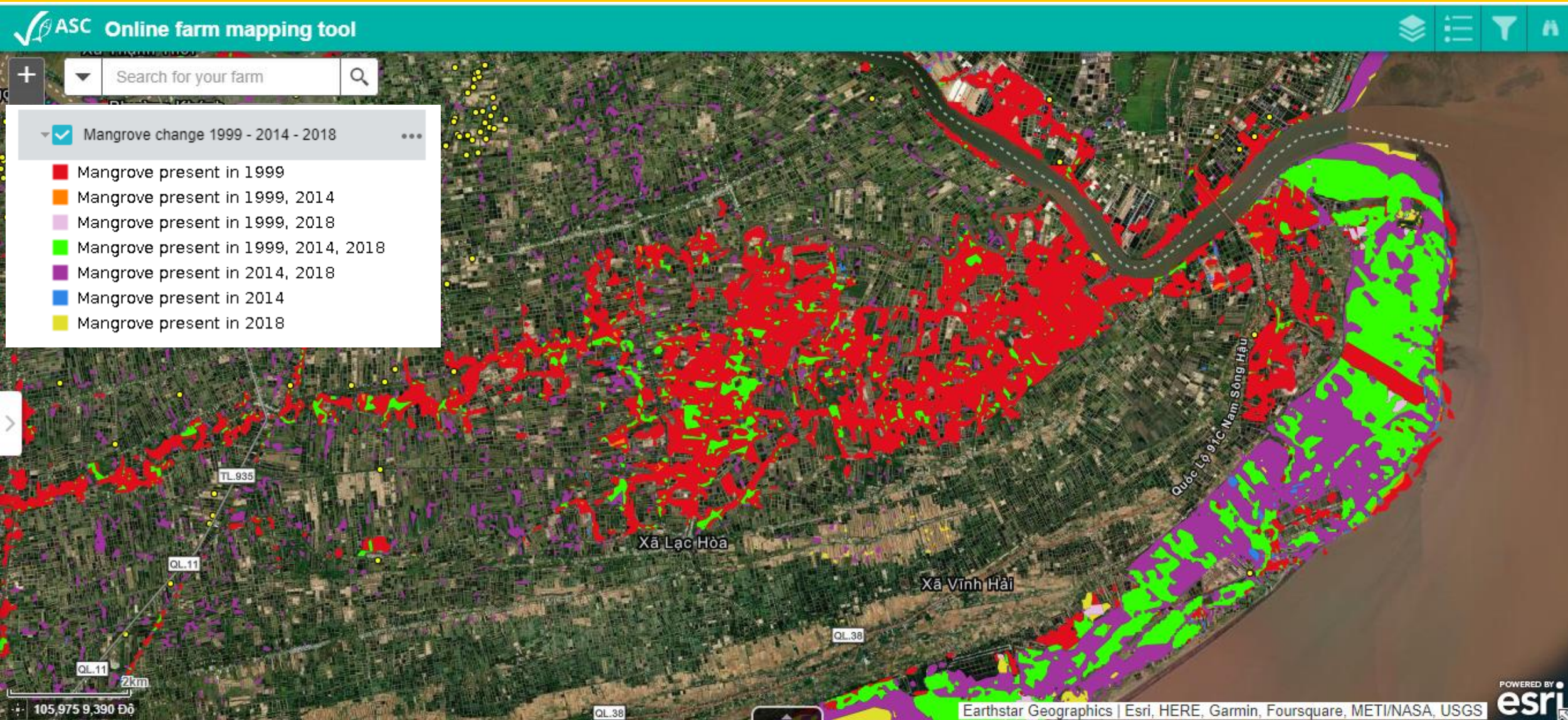
- Seriola and Cobia
- Freshwater Trout
- Tropical Marine F..
- Shrimp
- Seabass, Seabre..
- Tilapia
- Bivalve
- Salmon
- Pangasius
- Abalone



www.asc-aqua.org/news/certification-update/

I. Đền bù cho rừng ngập mặn (RNM):
+ Ít nhất 50% diện tích ảnh hưởng

**ASC, ASI, CABs sử dụng công cụ GIS như là
nguồn dữ liệu RNM quan trọng nhất.**



I. Đền bù cho rừng ngập mặn:

+ Ít nhất 50% diện tích ảnh hưởng

Trong thực tế, có nhiều **tình huống** khác nhau về vấn đề rừng ngập mặn khi áp dụng chứng nhận ASC:

- **Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến việc mất rừng ngập mặn ở Việt Nam:**

- + chuyển đổi **đất rừng trồng** thành đất nuôi thủy sản
- + ô nhiễm nguồn nước
- + xói mòn, biến đổi khí hậu

**TẤT CẢ CÁC TRƯỜNG HỢP
NÀY ĐỀU **KHÔNG** ĐƯỢC
CABs CHẤP NHẬN**

- **Chuyển đổi các khu vực trồng cây đước không có chức năng rừng**

- + khu đất chỉ là những lùm cây đước (cây ngập mặn)

- **Các trang trại nằm trong quy hoạch được phê duyệt chính thức bởi quốc gia**

- + Nhà nước có các kế hoạch khác về trồng mới & phục hồi diện tích rừng ngập mặn

ASC ShAD ver 1.2

Việc cho phép trang trại nằm trong **hệ sinh thái rừng ngập mặn*** & các **vùng đất ngập nước tự nhiên**

- **Sau** May-1999: không

- **Trước** May-1999: được phép
trang trại phải **đền bù 50%** hệ sinh thái bị ảnh hưởng

***hệ sinh thái rừng ngập mặn:** bao gồm cả rừng được nhân tạo được trồng (theo ASC - QA0199)

QA0199 on Shrimp

Determination

Effective date

July 12, 2021

Rationale

The ASC shrimp standard refers to mangrove ecosystems in the indicator 2.2.2, it includes **human planted** mangrove since the intent of the requirement is to maintain the ecosystem functions that mangroves provide, and this is equally applicable for natural and human planted mangroves.

Tiêu chuẩn không cho ngoại lệ cho các trường hợp mất rừng khác nhau Trước & Sau 1999

→ Mặc dù các thông tin này có thể lý giải thông qua phòng vấn cộng đồng địa phương, nhóm chuyên gia BEIA hay Các cấp chính quyền (thậm chí có các dữ liệu văn bản từ chính Quyền)



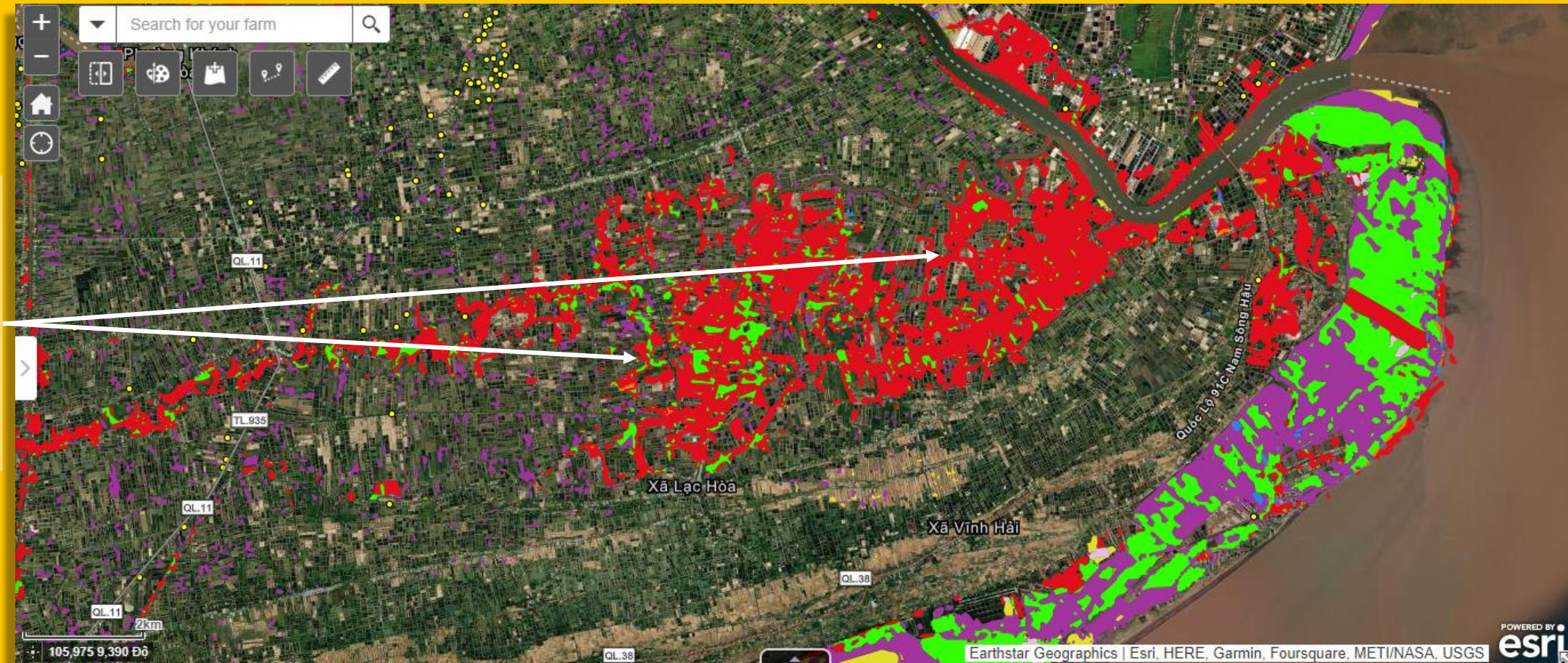
Các khu vực cây
đước không có
chức năng rừng

Đường Ven Biển

Đường Ven Biển

I. Đền bù cho rừng ngập mặn:
+ Ít nhất 50% diện tích ảnh hưởng

Khu vực
này có thể
là cây đước
trồng nhân
tạo



I. Đền bù cho rừng ngập mặn:
+ Ít nhất 50% diện tích ảnh hưởng

Dữ liệu ngày 21-Dec-1999

<i>Tình trạng RNM ở Việt Nam:</i>	<i>156,608 ha</i>	
<i>+ RNM tự nhiên :</i>	<i>59,732 ha</i>	<i>38.1%</i>
<i>+ RNM trồng phục hồi:</i>	<i>96,876 ha</i>	<i>61.9%</i>

(theo chương trình khảo sát của Chính phủ Việt Nam theo QĐ số 03/2001/QĐ/TTg và thông báo Jul/2001)

Dữ liệu năm 2017

<i>Tình trạng RNM ở Việt Nam:</i>	<i>164,701 ha</i>
-----------------------------------	-------------------

(bảng 6 – thông báo khảo sát của BNNPTNT năm 2018)

→ Có sự mất rừng cục bộ tại các khu vực RNM, nhưng số liệu cho thấy không có hao hụt trên tổng diện tích RNM ở Việt Nam trong thời gian 1999 – 2017. Điều này cho thấy tổng quan Quy hoạch của nhà nước bảo vệ RNM vào những khu sinh thái tập trung, đồng bộ với Quy hoạch phát triển kinh tế.

Cho thấy Quy hoạch đồng bộ của Chính phủ
được đi kèm với
Kế hoạch quốc gia về phục hồi RNM



→ **Những dữ liệu này được
trang trại cung cấp
NHƯNG chúng không được CABs chấp nhận.**



None for farms built (with or without permits) after May 1999, except for pumping stations and inlet/outlet canals provided they have been permitted by authorities and an equivalent area is rehabilitated⁹ as compensation.

For farms built or permitted before May 1999, **farmers are required** to compensate/offset impacts via rehabilitation as determined by the B-EIA, or the national/state/local authority plans/list, or 50% of the affected ecosystem

Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22-Jan-2015.

Quyết định này có mục tiêu là:

- + bảo vệ 310,695 ha rừng ven biển,
- + phục hồi 9,602ha rừng suy thoái
- + Tái trồng 46,058ha rừng
(trong đó bao gồm 29,500ha RNM)

→ **Kết quả thực hiện được báo cáo năm 2017:**

- + 42 dự án trồng rừng đã được phê duyệt
- + Trong đó có 89,000 ha RNM đã được trồng phục hồi

2.2.2 Allowance for siting in mangrove ecosystems⁷ and other natural wetlands⁸, or areas of ecological importance as determined by the B-EIA or national/state/local authority plans/list.

I. Đền bù cho rừng ngập mặn:

+ Ít nhất 50% diện tích ảnh hưởng

Những đề xuất chính:

Cần có thêm những lựa chọn tuân thủ

- Các khu vực trồng đước (cây ngập mặn) không có chức năng rừng, vùng đất cây không phát triển được và những khu vực trồng cây đước nhân tạo (nằm ngoài các khu vực quy hoạch bảo tồn của quốc gia) có thể được chuyển đổi sang đất nuôi trồng thủy sản cả trước & sau tháng May-1999.

- Dữ liệu về phục hồi RNM quốc gia có thể được chấp nhận phù hợp khi trang trại nằm trong khu vực được quy hoạch nuôi thủy sản chính thức theo Quyết định Quy hoạch cấp tỉnh.



II. Sử dụng kháng sinh trong trang trại tôm: + Yêu cầu chứng nhận CoC

Tiêu chuẩn ASC Tôm **KHÔNG**
cho sử dụng **kháng sinh**
trong sản phẩm ASC.

Trang trại vẫn được chứng nhận.
Nhưng trang trại sẽ cần **Chứng
nhận ASC CoC** ở mức độ trang
trại cho hoạt động Nuôi thủy sản

5.3.1. Allowance for use of **antibiotic** and medicated
feed on **ASC-labelled products** (farm can be
certified but specific product receiving medicated
feed will not be authorised to carry ASC label).

None

Yêu cầu này **CHỈ** áp dụng
trong tiêu chuẩn **ASC shrimp
standard**.

c. If any antibiotics or medicated feed is used, detail and maintain a traceability system to ensure that no treated product is sold as ASC labeled. In these cases **farm needs to hold a valid ASC Chain of Custody Certification.**

II. Sử dụng kháng sinh trong trang trại tôm:

+ Yêu cầu chứng nhận CoC

Nhu cầu

+ Giáp xác là nhóm đặc biệt mà không thể sử dụng vắc-xin. Do đó điều trị là một hành động cần thiết nhằm bảo vệ anh sinh vật nuôi, nó cũng giảm đáng kể tỷ lệ chết của đàn.

+ Cả quốc gia sản xuất & quốc gia nhập khẩu đều cho phép sử dụng kháng sinh theo những điều kiện kiểm soát được quy định bởi luật.

+ Khi dịch bệnh bùng phát, việc điều trị giúp bảo vệ vụ mùa và qua đó bảo vệ khoản đầu tư của nông dân.

Hai SỰ THẬT trong trang trại chứng nhận ASC tôm

Thử thách

+ Để điều trị cho tôm nuôi bằng thuốc kháng sinh, trang trại phải **gánh chi phí** cho chứng nhận ASC CoC. (bao gồm chi phí tư vấn, phí chứng nhận và nguồn lực con người để duy trì hệ thống CoC). Đặc biệt, đối với nông hộ, việc lấy được chứng nhận ASC CoC gần như là không khả thi.

+ Thậm chí khi trang trại không dùng sản phẩm có điều trị dưới dạng chứng nhận ASC, CABs vẫn có thể ra **quyết định đình chỉ giấy** nếu như phát hiện bằng chứng trại có sử dụng kháng sinh mà không có CoC.

II. Sử dụng kháng sinh trong trang trại tôm:

+ Yêu cầu chứng nhận CoC

ASC CAR 2.2

Câu hỏi thường xuyên mà CABs nhận được từ nhà sản xuất:

+ Tại sao các loài khác tham gia chứng nhận ASC được sử dụng kháng sinh còn tôm lại không được?

+ Tại sao Chứng nhận Tôm ASC phải có chứng nhận CoC certification khi sử dụng kháng sinh?

+ Các trang trại có rủi ro khác nhau, tại sao công cụ phân tích rủi ro của ASC như đề cập trong ASC CAR không được đơn thuần áp dụng trong trường hợp chứng nhận Tôm?

- | | |
|----------|--|
| 17.6.6 | Based on the results found from 17.6.1 -17.6.5 above, the CAB shall determine whether: |
| 17.6.6.1 | The traceability and segregation systems in the operation are sufficient to ensure all products identified and sold as certified by the operation originate from the unit of certification, or |
| 17.6.6.2 | The traceability and segregation systems are not sufficient and a separate chain of custody certification is required for the operation before products can be sold as ASC-certified or can be eligible to carry the ASC logo. |
| 17.6.7 | This determination shall remain in force until revised by the CAB in a subsequent audit or until a valid CoC certification is in place. |
| 17.6.7.1 | The CAB shall inform the client if any separate CoC certification for the operation required in 17.6.6.2, client shall be subject to an audit by the same CAB that carried out the farm certification. |

II. Sử dụng kháng sinh trong trang trại tôm:

+ Yêu cầu chứng nhận CoC

Các đề xuất:

- + Chứng nhận ASC tôm cho phép nhà sản xuất áp dụng các điều trị với điều kiện tương tự như các tiêu chuẩn loài khác của ASC.
- + Hệ thống truy xuất của trang trại tôm có thể được đánh giá rủi ro & chấp nhận bởi CABs thông qua cuộc đánh giá ASC trang trại thay vì yêu cầu chứng nhận ASC CoC.



Các **khó khăn khác** của nhà sản xuất khi áp dụng chứng nhận ASC trang trai:

Môi trường

Đền bù cho rừng ngập mặn:
+ **Ít nhất 50% diện tích ảnh hưởng**

Vùng đệm:
+ **100m – bờ biển**
+ **25m – thủy vực sông**

Phân tích nước ngầm:
+ **phân tích độ dẫn điện của nước**

Phân tích đất xung quanh:
+ **phân tích độ dẫn điện của đất**

Operational

Sử dụng kháng sinh trong trang trại tôm:
+ **Yêu cầu chứng nhận CoC**

Tỷ lệ sống / chết:
+ **max. 20% MR – cá tra**
+ **min. 25% SR – tôm quảng canh**

Giám sát thu hoạch:
+ **Thu hoạch tại IA/RA – chu kỳ ngắn**
+ **thu hoạch 1 lần/3 năm – chu kỳ dài**

Thành phần thức ăn:
+ **dữ liệu phải sẵn có tại ngày đánh giá**



Total Quality. Assured.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

THUY TRUONG(MRS.)

Certification Manager

Tel: +84 908 473172 - Email: thuy.truong@intertek.com

CUONG LY(MR.)

Lead Auditor

Tel: +84 903699 578- Email: cuong.ly@intertek.com

Intertek Vietnam Ltd.

6th floor of Lobby D at S.O.H.O Biz Office Building

located no. 38 Huynh Lan Khanh St., Ward 2,

Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

www.intertek.com

